

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 23 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đinh Thị Bích Ngọc, Ngày tháng năm sinh: 04/03/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: PBT-PHT
- Cơ quan/đơn vị công tác: trường MN Tịnh Hiệp
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 037179008014
ngày cấp 17/12/2024 nơi cấp Bộ Công An.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Đặng Văn Dương, Ngày tháng năm sinh: 10/10/1979
- Nghề nghiệp: Giáo viên/CT CĐCS.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường THCS Tịnh Trà.
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051079005872
ngày cấp 17/12/2024 nơi cấp Bộ Công An.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đặng Thái Nguyên, Ngày tháng năm sinh: 10/09/2006
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051206015217
ngày cấp 4/12/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

3.2. Con thứ hai :

- Họ và tên: Đặng Phương Thảo, Ngày tháng năm sinh: 04/10/2008
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 05130808397
ngày cấp 20/11/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:



1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 209m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số 831817 cấp ngày 30/9/1999. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Bỏ cho tặng.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 3272,6m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000 (năm trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: 668976 cấp ngày 11/4/2023. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Tự mua

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: cấp 4a.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 209m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: số 831817 cấp ngày 30/9/1999. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có):.....



2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾: không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị ⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:



- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 195.456.000/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 174.000.000/ năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 30.000.000đ

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	



1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.	1.200m²	30.000.000đ	Tăng thêm đất rừng trồng keo.
		369.456.000/năm	Lương và phụ cấp của vợ + lương và phụ cấp của chồng.

..... ngày.... tháng.... năm.... NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)	Ba Gia, ngày 23 tháng 12 năm 2025 NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN (Ký, ghi rõ họ tên)  Đinh Thị Bích Ngọc
--	---

BẢN KẾ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM HÀNG
(Ngày 23 tháng 12 năm 2018)

L. THÔNG TIN CHUNG

- HÔNG TIN CHUNG**
 1. Người có khai tại sân, tìm nhập
 - Họ và tên: **HUYỀN THỊ THU THUY**, Ngày tháng năm sinh: **12 năm 2015**
 - Chức vụ, chức danh công tác: **Hiệu trưởng**
 - Cơ quan đơn vị công tác: **Trường Mầm Non Tinh Sơn - Xã Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Sơn - Sơn Tịnh**
 - Ngày cấp: **11/2024** nơi cấp: **Bộ Công an**
 2. Hộ hoặc công của người có khai tại sân, tìm nhập
 - Họ và tên: **TÔNG LONG NAM**, Ngày tháng năm sinh: **11/2024**
 - Nghề nghiệp: **Nông**
 - Nơi làm việc: **Đội 13 - Thôn Tây - Tỉnh Sơn - Sơn Tịnh**
 - Nơi thường trú: **Đội 13 - Thôn Tây - Tỉnh Sơn - Sơn Tịnh**
 - Sở cần công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **ngày cấp 20/08/2021 nơi cấp: Bộ Công an**
 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾;
1.1. Đất ở⁽⁷⁾;
1.1.1. Thừa thừa nhất:

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 23 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đinh Thị Bích Ngọc, Ngày tháng năm sinh: 04/03/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: PBT-PHT
- Cơ quan/đơn vị công tác: trường MN Tịnh Hiệp
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 037179008014
ngày cấp 17/12/2024 nơi cấp Bộ Công An.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Đặng Văn Dương, Ngày tháng năm sinh: 10/10/1979
- Nghề nghiệp: Giáo viên/CT CDCS.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường THCS Tịnh Trà.
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051079005872
ngày cấp 17/12/2024 nơi cấp Bộ Công An.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đặng Thái Nguyên, Ngày tháng năm sinh: 10/09/2006
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 051206015217
ngày cấp 4/12/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

3.2. Con thứ hai :

- Họ và tên: Đặng Phương Thảo, Ngày tháng năm sinh: 04/10/2008
- Nơi thường trú: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 05130808397
ngày cấp 20/11/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:



1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 209m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số 831817 cấp ngày 30/9/1999. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Bỏ cho tặng.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích⁽⁹⁾: 3272,6m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000 (năm trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: 668976 cấp ngày 11/4/2023. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Tự mua

1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:Địa chỉ:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị (¹⁰):.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Phú Thành – xã Ba Gia – tỉnh Quảng Ngãi.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: cấp 4a.
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 209m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: số 831817 cấp ngày 30/9/1999. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Thông tin khác (nếu có):.....



2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾: không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình: cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:



- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:
- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 195.456.000/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 174.000.000/ năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung: 30.000.000đ

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	1.200m ²	30.000.000đ	Tăng thêm đất rừng trồng keo.
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			Lương và phụ cấp của vợ + lương và phụ cấp của chồng.
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		369.456.000/năm	

[Signature]

..... ngày.... tháng....năm.... NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)	Ba Gia, ngày 23 tháng 12 năm 2025 NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN (Ký, ghi rõ họ tên)  Đinh Thị Bích Ngọc
---	---